Chi tiết mã HS 6809.90.10

Mã HS	6809.90.10
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm làm bằng thạch cao hoặc bằng các hỗn hợp có thành phần cơ bản là thạch cao / - Các sản phẩm khác: / - - Khuôn bằng thạch cao dùng trong nha khoa
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 11:28:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/68099010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10203
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10203
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10203
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9702
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9653
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9653
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9653
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9653
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9653
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9653
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9705
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9705

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9705
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9705
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9705
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9705
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9706
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9706
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9706
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9706
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9706
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9706
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9707
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9659
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9665
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9665
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9665
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9665
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9665
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9665
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9690
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9690
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9690
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9690
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9690
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9690
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9737
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9737

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9737
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9737
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9737
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9737
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9716
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9716
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9716
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9716
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9716
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9716
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D9728
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E9728
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F9728
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G9728
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H9728
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9728
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D9739
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E9739
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F9739
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9739
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9739
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9739
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D9738
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E9738
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F9738
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9738

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9738
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9738
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9685
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9685
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9685
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9685
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9685
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9685
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9685
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9722
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9722
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9722
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9722
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9722
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9722
RCEP B	2022	2022	0	B!D9722
RCEP B	2023	2023	0	B!E9722
RCEP B	2024	2024	0	B!F9722
RCEP B	2025	2025	0	B!G9722
RCEP B	2026	2026	0	B!H9722
RCEP B	2027	2027	0	B!I9722
RCEP C	2022	2022	0	C!D9722
RCEP C	2023	2023	0	C!E9722
RCEP C	2024	2024	0	C!F9722
RCEP C	2025	2025	0	C!G9722
RCEP C	2026	2026	0	C!H9722

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9722
RCEP D	2022	2022	0	D!D9721
RCEP D	2023	2023	0	D!E9721
RCEP D	2024	2024	0	D!F9721
RCEP D	2025	2025	0	D!G9721
RCEP D	2026	2026	0	D!H9721
RCEP D	2027	2027	0	D!I9721
RCEP E	2022	2022	0	E!D9725
RCEP E	2023	2023	0	E!E9725
RCEP E	2024	2024	0	E!F9725
RCEP E	2025	2025	0	E!G9725
RCEP E	2026	2026	0	E!H9725
RCEP E	2027	2027	0	E!I9725
RCEP F	2022	2022	0	F!D9722
RCEP F	2023	2023	0	F!E9722
RCEP F	2024	2024	0	F!F9722
RCEP F	2025	2025	0	F!G9722
RCEP F	2026	2026	0	F!H9722
RCEP F	2027	2027	0	F!I9722
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F8993
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G8993
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H8993
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I8993

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6809.90 có 2 dòng thuế; dòng 6809.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khuôn bằng thạch cao dùng trong nha khoa.	6809.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6809.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 6809.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10203), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.